

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc và cảnh báo môi trường nước phục vụ cho nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 3 năm 2026

Nhằm cung cấp thông tin kịp thời về chất lượng nước đến người nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, Chi cục Thủy sản Cà Mau đã tiến hành lấy mẫu quan trắc chất lượng nước tại các tuyến sông phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2026 (ngày 18/9 và 19/9/2026). Cụ thể như sau:

I. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC CẤP (CÁC ĐIỂM SÔNG ĐÀU NGUỒN)

1. Vị trí quan trắc

Quan trắc môi trường nước cấp (ngày 18/9/2026) tại 39 điểm đầu nguồn thuộc các xã/phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Vị trí quan trắc bao gồm: sông Tắc Vân – phường Tân Thành, sông Hòa Tân – phường Hòa Thành, sông Gành Hào – xã Tân Thuận, sông Bà Bèo – xã Đàm Dơi, sông Đàm Dơi – xã Đàm Dơi, sông Bảy Háp – xã Cái Nước, sông Rạch Rập – xã Lương Thế Trân, sông Cái Nước – xã Cái Nước, sông Vàm Xáng – xã Phú Mỹ, sông Cái Bát – xã Nguyễn Việt Khái, sông Gò Công – xã Cái Đôi Vàm, sông Cửa Lớn – xã Đất Mới, sông Cái Ngay – xã Năm Căn, sông Cửa Lớn – xã Năm Căn, sông Nhưng Miên – xã Phan Ngọc Hiển, sông Rạch Tàu – xã Đất Mũi, sông Rạch Gốc – xã Phan Ngọc Hiển, sông Vàm Cái Tàu – xã Khánh An, sông Cái Tàu – xã Nguyễn Phích, sông Tắc Thủ – xã Hồ Thị Kỷ, sông Trẹm – xã Biển Bạch, sông Chắc Bạng – xã Thới Bình, sông Bà Kẹo – xã Sông Đốc, sông Ông Đốc – xã Trần Văn Thời, sông Ông Đốc – xã Sông Đốc, sông Công Điền – phường Vĩnh Trạch, kênh 30/4 – phường Bạc Liêu, kênh Cần Thăng – phường Hiệp Thành, kênh Xáng Bạc Liêu – xã Hưng Hội, sông Bạc Liêu – Cà Mau – xã Hòa Bình, kênh 12 – xã Vĩnh Hậu, kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, kênh Cái Cù – xã Đông Hải – Vĩnh Hậu, kênh 04 – xã Đông Hải, kênh Huyện Kê – xã Long Điền, sông Gành Hào – xã Gành Hào, kênh Hộ Phòng – Chủ Chí – phường Giá Rai, kênh Phó Sinh – xã Vĩnh Phước, kênh Phụng Hiệp (*ngã tư Ninh Quới*) – xã Ninh Quới.

2. Kết quả quan trắc chất lượng nước: (Kèm theo phụ lục 1).

3. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Sông Tắc Vân	56	Trung bình	DO, độ mặn, Coliform = 2.400 MPN/100 ml (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	Sông Hòa Tân	86	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
3	Sông Gành Hào	90	Rất tốt	DO, Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Coliform cao, do đó cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
4	Sông Bà Bèo	83	Tốt	DO, Coliform = 4.600 MPN/100 ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Coliform cao, do đó chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
5	Sông Đàm Dơi	86	Rất tốt	DO, Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Coliform cao, do đó cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
6	Sông Bảy Háp	79	Tốt	DO, PO ₄ ³⁻	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước có hiện diện chỉ số ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Sông Rạch Rập	78	Tốt	DO, TSS	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, do đó cần lắng

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Sông Cái Nước	86	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
9	Sông Vàm Xáng	89	Rất tốt	DO, Vibrio = 1.400 CFU/ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Vibrio cao, do đó cần diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
10	Sông Cái Bát	86	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
11	Sông Gò Công	53	Trung bình	DO, TSS (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, do đó cần lắng nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Sông Cửa Lớn	53	Trung bình	DO, TSS, Coliform = 2.400 MPN/100 ml (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, do đó cần lắng nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
13	Sông Cái Ngay	53	Trung bình	DO, TSS (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, do đó cần lắng nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
14	Sông Cửa Lớn	92	Rất tốt	DO, Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Coliform cao, do đó cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
15	Sông Nhung Miên	92	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
16	Sông Rạch Tàu	92	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
17	Sông Rạch Gốc	72	Tốt	DO, độ mặn, NH_4^+ , PO_4^{3-}	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Nguồn nước có hiện diện các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
18	Sông Vàm Cái Tàu	63	Trung bình	DO, độ mặn, NH_4^+ , Coliform = 11.000 MPN/100 ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
19	Sông Cái Tàu	43	Kém	DO, độ mặn, NH_4^+ , PO_4^{3-} , Coliform = 4.600 MPN/100 ml (DO có qđ = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
20	Sông Tắc Thủ	72	Tốt	DO, độ mặn, Coliform = 4.600 MPN/100 ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Mật độ Coliform cao, do đó cần chú ý an

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					toàn vệ sinh thực phẩm.
21	Sông Trẹm	45	Kém	DO, độ mặn, NH_4^+ , Coliform = 46.000 MPN/100 ml (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
22	Sông Chác Bạng	71	Tốt	DO, độ mặn, NH_4^+ , Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Nguồn nước có hiện diện các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
23	Sông Bà Kẹo	86	Rất tốt	DO, Coliform = 1.500 MPN/100 ml, Vibrio = 1.200 CFU/ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Vibrio cao, do đó cần diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
24	Sông Ông Đốc	77	Tốt	DO, độ mặn, độ kiềm, Coliform = 1.500 MPN/100 ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
25	Sông Ông Đốc	64	Trung bình	DO, độ mặn, NH_4^+ , PO_4^{3-} , Coliform = 110.000 MPN/100 ml, Vibrio = 1.400 CFU/ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, Vibrio cao, do đó cần xử lý, diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Coliform cao, do đó cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
26	Sông Công Điền	70	Trung bình	DO, NH_4^+ , Coliform = 24.000 MPN/100 ml, Vibrio = 1.100 CFU/ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, Vibrio cao, do đó cần xử lý, diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
27	Kênh 30/4	84	Tốt	DO, Coliform = 2.400 MPN/100 ml, Vibrio = 1.200 CFU/ml	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Vibrio cao, do đó cần diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
28	Kênh Càn Thăng	74	Tốt	DO, độ mặn, NH_4^+ , PO_4^{3-}	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước có hiện diện các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp.
29	Kênh Xáng Bạc Liêu	31	Kém	DO, NH_4^+ , Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
				(DO có qi = 1)	Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
30	Sông Bạc Liêu – Cà Mau	57	Trung bình	DO, NH ₄ ⁺ , Coliform = 2.400 MPN/100 ml (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
31	Kênh 12	55	Trung bình	DO, NH ₄ ⁺ (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
32	Kênh Chùa Phật	87	Rất tốt	DO, độ kiềm, Coliform = 2.400 MPN/100 ml	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, mật độ Coliform cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
33	Kênh Cái Cù	82	Tốt	DO	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp.
34	Kênh 04	83	Tốt	DO	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp.
35	Kênh Huyện Kệ	92	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
36	Sông Gành Hào	81	Tốt	DO, NH ₄ ⁺	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					Nguồn nước có hiện diện thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
37	Kênh Hộ Phòng – Chủ Chí	39	Kém	DO, độ mặn, NH_4^+ , TSS, Coliform = 46.000 MPN/100 ml, Vibrio = 2.400 CFU/ml (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng, thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, Vibrio cao, do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
38	Kênh Phó Sinh	48	Trung bình	DO, NH_4^+ , Coliform = 2.400 MPN/100 ml, Vibrio = 2.200 CFU/ml (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, Vibrio cao, do đó cần xử lý và diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
39	Kênh Phụng Hiệp (ngã tư Ninh Quới)	19	Rất kém	DO, độ mặn, độ kiềm, Coliform = 11.000MPN/100 ml (DO; độ mặn; độ kiềm có q _i = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Độ mặn thấp, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn thấp. Cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

II. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC NUÔI CÁ RÔ PHI, TÔM CÀNG XANH...

1. Vị trí quan trắc

Quan trắc môi trường nước nuôi cá rô phi và tôm càng xanh... (ngày 19/9/2026) tại 15 vùng nuôi trọng điểm. Vị trí quan trắc bao gồm: Sông An Xuyên – phường An Xuyên, Sông Cái Rắn – xã Lương Thế Trân, Sông Bạch Ngưu – xã Trí Phải, Sông Chắc Bông – xã Trí Phải, Sông Cái Tàu – xã Nguyễn Phích, Kênh Hội – xã Khánh Lâm, Kênh Hội – xã Khánh Lâm, Kênh 8000 – xã Biển Bạch, Kênh Vĩnh Phong – xã Vĩnh Phước, Kênh Cộng Hòa – xã Phước Long, Kênh Lộ Xe – xã Vĩnh Lộc, Kênh Hoàn Tấu – xã Hòa Bình, Kênh Giồng Me – phường Bạc Liêu, Kênh Xã Thoàn – xã Ninh Thạnh Lợi, Kênh 7 – xã Vĩnh Hậu.

2. Kết quả quan trắc chất lượng nước: (Kèm theo phụ lục 2).

3. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Sông An Xuyên	TSS	Nguồn nước có chất rắn lơ lửng cao, do đó cần lắng nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
2	Sông Cái Rắn	Độ mặn, PO_4^{3-}	Nguồn nước có độ mặn cao, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn cao. Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
3	Sông Bạch Ngưu	NH_4^+ , PO_4^{3-}	Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
4	Sông Chắc Bông	NH_4^+	Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
5	Sông Cái Tàu	NH_4^+ , PO_4^{3-}	Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
6	Kênh Hội	NH_4^+	Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh Hội	NO_2^- , NH_4^+ , PO_4^{3-}	Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Kênh 8000	NH_4^+	Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
9	Kênh Vĩnh Phong	NH_4^+	Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
10	Kênh Cộng Hòa	DO, NH_4^+ , PO_4^{3-}	Nguồn nước có các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
11	Kênh Lộ Xe	NH_4^+ , TSS	Nguồn nước có chất rắn lơ lửng, thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần lắng, xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Kênh Hoàn Tàu	Độ mặn, NH_4^+ , PO_4^{3-} , TSS	Nguồn nước có độ mặn cao, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn cao. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng, thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần lắng, xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Kênh Giồng Me	Độ mặn, NO_2^- , NH_4^+ , PO_4^{3-} , TSS	Nguồn nước có độ mặn cao, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn cao. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng, thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần lắng, xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
14	Kênh Xã Thoàn	NH_4^+	Nguồn nước có thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Kênh 7	Độ mặn, NO_2^- , NH_4^+ , PO_4^{3-} , TSS	Nguồn nước có độ mặn cao, do đó cần theo dõi độ mặn và hạn chế lấy nước khi độ mặn cao. Nguồn nước có chất rắn lơ lửng, thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao, do đó cần lắng, xử lý nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

III. KHUYẾN CÁO

Kết quả quan trắc đợt 3 đối với môi trường nguồn nước cấp tại các điểm sông đầu nguồn cho thấy có 5/39 điểm quan trắc có chất lượng nước từ kém đến rất kém. Chất lượng nước suy giảm chủ yếu do DO thấp, kết hợp với hàm lượng NH_4^+ , NO_2^- , PO_4^{3-} tăng và TSS cao tại một số điểm; một số điểm ghi nhận mật độ *Vibrio* cao. Các yếu tố bất lợi này có thể làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và tăng trưởng của thủy sản nuôi. Bên cạnh đó, nhiều khu vực ghi nhận độ mặn thấp hoặc ngọt hóa không thuận lợi cho việc lấy nước phục vụ nuôi thủy sản nước lợ. Ngoài ra, một số điểm có Coliform cao, cần chú ý kiểm soát chất lượng nước và an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt trong quá trình thu hoạch, bảo quản và vận chuyển thủy sản.

Đối với môi trường nước nuôi cá rô phi và tôm càng xanh... nhiều điểm ghi nhận thông số bất lợi như: DO thấp; hàm

lượng N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} và TSS cao. Độ mặn tại sông Cái Rắn, Kênh Hoàn Tấu, Kênh Giồng Me, Kênh 7 có độ mặn cao, không phù hợp cho cá rô phi, tôm càng xanh... phát triển.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết Cà Mau từ ngày 06/10 đến 14/10/2026 trời có nhiều mây, có mưa rào và dông, nhiệt độ thấp nhất từ 25 – 26 °C, nhiệt độ thấp nhất từ 31 – 32 °C; bên cạnh đó, dự báo ven biển Nam Bộ đang trong giai đoạn triều trung bình, có xu hướng tăng đến ngày 11/10, sau giảm (giai đoạn 09 - 14/10, thủy triều ở mức cao).

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, triều cường bất lợi đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, Chi cục Thủy sản khuyến cáo các cơ sở, hộ nuôi chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ động kiểm tra, gia cố bờ bao, bờ vuông, cống cấp – thoát nước và các vị trí xung yếu trước khi xảy ra mưa lớn; khơi thông hệ thống tiêu thoát nước, xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở, rò rỉ hoặc tràn bờ. Sau mưa lớn, cần kiểm tra và kịp thời khắc phục các vị trí công trình bị hư hỏng.

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO , độ mặn, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Tại các khu vực nuôi trồng thủy sản có độ mặn chưa phù hợp (độ mặn thấp hoặc cao so với giới hạn thích nghi cho từng đối tượng thủy sản nuôi nước lợ, ngọt phát triển), cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa, theo dõi hoạt động của thủy sản và các yếu tố môi trường; chủ động vận hành quạt nước, sục khí phù hợp để hạn chế phân tầng nước, tháo bớt lớp nước mặt, điều chỉnh mực nước phù hợp; không cấp nước khi nguồn nước bên ngoài chưa đảm bảo. Trong thời gian mưa, giảm hoặc tạm ngưng cho ăn tôm ăn. Căn cứ điều kiện môi trường và đối tượng nuôi, sử dụng vôi nông nghiệp, Dolomite hoặc chế phẩm xử lý môi trường phù hợp; sau mưa có thể bổ sung chế phẩm vi sinh để hỗ trợ ổn định môi trường, hạn chế khí độc.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, bản tin quan trắc môi trường nước và các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn để chủ động nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo, khuyến cáo của Chi cục Thủy sản đến bà con nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, nhằm hạn chế thiệt hại trên thủy sản nuôi./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS(Giang) 

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Chí Sĩ



Phụ lục 1

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC CẤP PHỤC VỤ CHO NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (NGÀY 18/9/2026)

(Kèm theo Thông báo số 71 /TB-CCTS ngày 06/10/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)
1	Sông Tắc Vân	Phường Tân Thành	28	7,0	3,0	5,0	123,8	0,049	0,179	0,081	0,178	46,0	11,0	110	2.400
2	Sông Hòa Tân	Phường Hòa Thành	28	7,5	3,5	6,0	101,0	KPH	0,041	0,096	0,039	34,0	14,7	50	92
3	Sông Gành Hào	Xã Tân Thuận	29	7,5	4,0	16,0	126,7	0,050	0,193	0,077	0,098	86,0	14,0	80	2.400
4	Sông Bà Bèo	Xã Đầm Dơi	28	7,0	3,5	8,0	124,8	0,051	0,201	0,077	0,110	89,3	14,1	300	4.600
5	Sông Đầm Dơi	Xã Đầm Dơi	28	7,0	3,5	8,0	125,7	0,049	0,187	0,074	0,109	70,0	14,0	90	2.400
6	Sông Bảy Háp	Xã Cái Nước	28	7,5	3,5	15,0	125,7	0,002	0,010	0,072	0,037	33,3	14,6	330	92
7	Sông Rạch Rập	Xã Lương Thế Trân	28	8,0	4,0	12,0	125,7	0,081	0,627	0,287	0,286	8,7	11,6	710	430
8	Sông Cái Nước	Xã Cái Nước	27	8,0	3,5	13,0	108,9	0,141	0,012	0,049	0,030	174,0	10,3	450	92
9	Sông Vàm Xáng	Xã Phú Mỹ	27	7,5	4,0	14,0	131,7	0,049	0,094	0,045	0,158	92,0	11,0	1.400	930
10	Sông Cái Bát	Xã Nguyễn Việt Khái	28	7,5	3,5	16,0	130,7	0,002	0,019	0,077	0,038	41,3	14,1	270	930
11	Sông Gò Công	Xã Cái Đôi vàm	27	8,0	4,0	17,0	132,7	KPH	0,013	0,075	0,043	36,0	13,8	240	430
12	Sông Cửa Lớn	Xã Đất Mới	27	7,3	4,0	27,0	116,8	0,083	0,076	0,026	0,193	226,0	8,9	250	2.400
13	Sông Cái Ngay	Xã Năm Căn	27	7,5	4,0	27,0	103,0	0,082	0,073	0,068	0,211	213,3	9,7	380	930

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)
14	Sông Cửa Lớn	Xã Năm Căn	27	7,5	4,0	27,0	101,0	0,081	0,082	0,030	0,203	218,7	9,4	60	2.400
15	Sông Nhung Miên	Xã Phan Ngọc Hiển	27	7,5	4,0	28,0	115,8	0,005	0,018	0,028	0,054	38,7	6,3	60	230
16	Sông Rạch Tàu	Xã Đất Mũi	27	7,6	4,0	28,0	118,8	0,008	0,020	0,032	0,034	57,3	6,3	40	430
17	Sông Rạch Gốc	Xã Phan Ngọc Hiển	27	7,7	4,0	28,0	123,8	0,007	0,014	0,030	0,059	59,3	8,2	60	230
18	Sông Vàm Cái Tàu	Xã Khánh An	29	6,8	3,5	3,0	105,0	0,177	0,788	0,256	0,275	52,7	11,9	280	11.000
19	Sông Cái Tàu	Xã Nguyễn Phích	29	6,7	3,0	2,0	105,0	0,021	1,062	0,143	0,073	6,7	14,3	800	4.600
20	Sông Tắc Thủ	Xã Hồ Thị Kỳ	29	6,5	3,5	2,0	112,9	0,177	0,842	0,282	0,269	56,0	14,1	70	4.600
21	Sông Trẹm	Xã Biển Bạch	29	6,5	3,0	3,0	112,9	0,015	0,540	0,067	0,039	2,0	14,7	450	46.000
22	Sông Chác Bàng	Xã Thới Bình	29	6,5	3,5	2,0	115,8	0,030	0,911	0,126	0,062	12,0	11,9	240	2.400
23	Sông Bà Kẹo	Xã Sông Đốc	29	7,5	4,0	4,0	115,8	0,103	0,802	0,184	0,150	32,7	11,9	1.200	1.500
24	Sông Ông Đốc	Xã Trần Văn Thời	29	8,0	4,0	10,0	113,9	0,100	0,705	0,171	0,152	44,7	13,0	1.000	1.500
25	Sông Ông Đốc	Xã Sông Đốc	28	7,5	3,5	4,0	44,6	0,015	0,208	KPH	0,103	23,3	11,6	1.400	110.000
26	Sông Công Điền	Phường Vĩnh Trạch	31	7,5	3,5	4,0	144,6	0,106	0,967	0,303	0,249	34,0	11,3	1.100	24.000
27	Kênh 30/4	Phường Bạc Liêu	29	7,5	3,5	10,0	134,7	0,129	1,291	0,180	0,093	126,7	13,5	1.200	2.400
28	Kênh Cản Thăng	Phường Hiệp Thành	29	7,7	4,0	19,0	120,8	0,003	0,054	KPH	0,053	74,0	7,8	610	36

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)
29	Kênh Xáng Bạc Liêu	Xã Hưng Hội	30	7,7	3,0	5,0	132,7	0,131	1,092	0,230	0,095	54,0	12,5	480	2.400
30	Sông Bạc Liêu – Cà Mau	Xã Hòa Bình	31	7,6	3,0	10,0	159,4	0,100	0,895	0,133	0,046	226,7	14,1	290	2.400
31	Kênh 12	Xã Vĩnh Hậu	29	7,5	3,0	22,0	133,7	0,097	0,759	0,106	0,087	39,3	13,5	360	230
32	Kênh Chùa Phật	Xã Vĩnh Hậu	29	7,5	4,0	20,0	126,7	0,214	0,844	0,172	0,164	103,3	13,8	800	2.400
33	Kênh Cái Cù	Xã Đông Hải – Vĩnh Hậu	30	7,7	3,5	20,0	174,3	0,005	0,032	0,016	0,027	82,7	15,7	110	KPH
34	Kênh 04	Xã Đông Hải	30	7,6	3,5	22,0	128,7	0,156	0,630	0,141	0,127	55,3	13,2	60	230
35	Kênh Huyện Kệ	Xã Long Điền	30	8,0	4,0	20,0	120,8	0,069	0,635	0,091	0,113	84,0	10,3	500	92
36	Sông Gành Hào	Xã Gành Hào	29	7,5	3,5	19,0	108,9	0,077	0,303	0,045	0,184	32,0	11,6	10	230
37	Kênh Hộ Phòng – Chủ Chí	Phường Giá Rai	30	8,0	3,0	10,0	104,0	0,033	0,799	0,122	0,062	21,3	15,4	2.400	46.000
38	Kênh Phó Sinh	Xã Vĩnh Phước	30	7,8	2,5	5,0	130,7	0,022	1,265	0,141	0,040	28,7	16,9	2.200	2.400
39	Kênh Phụng Hiệp (ngã tư Ninh Quới)	Xã Ninh Quới	31	8,0	3,0	10,0	97,0	0,064	0,885	0,183	0,083	33,3	15,1	30	11000



Phụ lục 2

CHIẾC QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI CÁ RÔ PHI, TÔM CÀNG XANH... (NGÀY 19/9/2026)

(Kèm theo Thông báo số 71 /TB-CCTS ngày 06/10/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	H ₂ S (mg/l)
1	Sông An Xuyên	Phường An Xuyên	28	7	3	4	121,8	0,054	0,167	0,069	0,129	55,3	13,2	KPH
2	Sông Cái Rắn	Xã Lương Thế Trân	28	7,8	4	12	148,5	0,07	0,284	0,142	0,121	9,3	11,3	KPH
3	Sông Bạch Ngưu	Xã Trí Phải	29	6,7	3	2	118,8	0,022	0,771	0,109	0,033	6	14,6	KPH
4	Sông Chác Báng	Xã Trí Phải	30	6,5	3,5	2	116,8	0,026	0,898	0,095	0,029	10	14,1	KPH
5	Sông Cái Tàu	Xã Nguyễn Phích	29	6,5	3	3	131,7	0,029	0,993	0,161	0,05	18	14,4	KPH
6	Kênh Hội	Xã Khánh Bình	28	7,5	4	0	44,6	0,016	0,377	0,024	0,081	14	11	KPH
7	Kênh Hội	Xã Khánh Lâm	29	6,5	3	3	110,9	0,308	0,64	0,238	0,231	38	11,4	KPH
8	Kênh 8000	Xã Biển Bạch	29	6,5	3,5	2	140,6	0,012	0,635	0,051	0,025	12	16,3	KPH
9	Kênh Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Phước	29,5	8	3	4	112,9	0,024	0,925	0,072	0,06	28	15,7	0,012
10	Kênh Cộng Hòa	Xã Phước Long	30	7,4	2,5	5	114,9	0,029	0,987	0,111	0,023	34	16,6	KPH
11	Kênh Lộ Xe	Xã Vĩnh Lộc	29,5	7,3	3	4,5	102	0,03	0,866	0,04	0,031	97,3	17,2	KPH
12	Kênh Hoàn Tầu	Xã Vĩnh Hậu	29	7,5	3,5	19	146,5	0,099	1,176	0,115	0,071	607	17,9	0,013
13	Kênh Giồng Me	Phường Bạc Liêu	29	7,5	3,5	15	138,6	0,165	0,746	0,15	KPH	76	11,1	KPH

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	H ₂ S (mg/l)
14	Kênh Xã Toàn	Xã Ninh Thạnh Lợi	30	7,5	3	5	103	0,016	0,887	0,036	0,196	17,3	17,1	KPH
15	Kênh 7	Xã Vĩnh Hậu	30	8	4	20	128,7	0,146	0,58	0,119	0,132	252	12,5	KPH